

Bản án số: 320/2020/HS-PT
Ngày: 24 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Các thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thị Nhung.
2. Ông Trần Vĩnh Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 159/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Phi H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 109/2020/HS-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Phi H**, sinh năm: 1997, tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Số 46C/10, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt).

2/ Họ và tên: **Vũ Thiện Hoàng L**, sinh ngày 03/3/2000, tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Số 906/6N, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: thiên chúa; Nghề nghiệp: công nhân; giới tính: nam; trình độ học vấn: 11/12; Con ông Vũ Văn M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt).

Bị hại: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1965

Địa chỉ: M3/30A, Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phi H và Vũ Thiện Hoàng L có mối quan hệ quen biết với đối tượng tên L1 chưa rõ lai lịch). Ngày 30/3/2018, L1 gặp H và L tại quán cà phê gần chợ T, thành phố B. Tại đây, L1 kể bạn L1 có mâu thuẫn với bà Phạm Thị H1, sinh năm 1965 ngụ tại khu phố 6, phường T, thành phố B nên nhờ H và L giúp bạn của L1 đánh bà H1 và hứa sau khi đánh bà H1, L1 sẽ cho H và L tiền. H và L đồng ý. L1 đưa tấm ảnh của bà H1 và dẫn H, L chỉ nơi ở, hành trình đi làm về của bà H1 để H và L chặn đánh.

Khoảng 11 giờ ngày 02/4/2018, L1 gọi điện thoại thông báo cho H và L ra đầu hẻm thuộc khu vực khu phố 6, phường T, thành phố B đợi bà H1 đi làm về để chặn đánh. L điều khiển xe mô tô biển số 60F1-328.72 chở H cầm theo 01 cây sắt (cây ba khúc) dài khoảng 70cm giấu trong người. H gọi điện rủ thêm Lê Anh H2, sinh năm 1999, ngụ tại số 210/12, khu phố 8, phường T, thành phố B, H3, Tí G, B (chưa rõ lai lịch) dùng 02 xe mô tô chở nhau cùng đi theo. Khi đến nơi, H và L thấy bà H1 điều khiển xe mô tô biển số 60FK - 3448 chạy vào hẻm. L điều khiển xe 60F1 - 328.72 chở H đuổi theo xe của bà H1, còn H3, H2, Tí G, B chạy theo sau. Khi đến phía trước nhà M3/46, khu phố 6, phường T, thành phố B, L điều khiển xe vượt lên trên chặn đầu xe, ép xe mô tô của bà H1, làm bà H1 cùng ngã xuống đường. H, L xuống xe xông đến, L dùng tay đánh 02 cái

trúng vào người bà H1, còn H rút cây sắt (cây ba khúc) đánh 03 cái trúng vào vùng đầu, cẳng tay và bàn tay trái của bà H1 gây thương tích. Sau đó, H, L, H3, H2, Tí G và B lên xe bỏ chạy. Sau khi gây án xong, H và L được L1 cho 800.000đ và cả 02 đều đã tiêu xài hết.

Ngày 02/4/2018, bà Phạm Thị H1 làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động và 01 cây sắt (cây 03 khúc) dài khoảng 70cm, sau khi gây án xong, H đã vứt mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- 01 xe mô tô biển số 60F1 - 328.72, quá trình điều tra làm rõ xe thuộc quyền sở hữu của anh Vũ Duy K (anh trai của L), Khánh cho L mượn xe H3 không biết L sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 0215/2018/CN ngày 03/5/2018 của Bệnh viện 7B Cục hậu cần – quân khu 7 và Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0360/GDPY/2018 ngày 15/5/2018 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế Đồng Nai kết luận bà Phạm Thị H1 bị thương tích như sau:

- Tồn thương gãy đốt 3 ngón IV bàn tay trái (Áp dụng chương 8, điều IV, mục 7.3) tỷ lệ: 01%

- Tồn thương gãy đốt 3 ngón V bàn tay trái (Áp dụng chương 8, điều IV, mục 7.3) tỷ lệ: 01%

- Vết thương đốt 3 ngón IV bàn tay trái để lại sẹo kích thước 01x0,2cm và đốt 3 ngón V bàn tay trái để lại sẹo kích thước 01x0,2cm (Áp dụng chương 9, điều I, mục 1) tỷ lệ: 01%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%.

Vật gây thương tích: Vật tày.

Về trách nhiệm dân sự: Bà H1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra ban đầu Nguyễn Phi H và Vũ Thiện Hoàng L khai có rủ rê Lê Anh H2 cùng đi đánh nhau, nhưng sau đó H và L thay đổi lời khai chỉ rủ H2 đi cùng, không nói cho H2 biết đi đánh nhau và H2 không tham gia đánh bị hại. Bản thân H2 khai: H không rủ H2 đi đánh nhau, H2 có ngồi trên xe mô tô (không rõ biển số) do một người bạn của H (Không rõ lai lịch) chở chạy theo

cùng H và L, H2 không biết H và L đi đánh bà H1, khi H và L đánh bà H1, H2 không tham gia mà bỏ về.

- Đối với đối tượng tên L1, H khai L1 sử dụng điện thoại số 01236136073 để liên lạc với H, L1 làm công nhân tại bộ phận sản xuất đế giày của Công ty Taekwang khu công nghiệp Biên Hòa. Quá trình điều tra:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã có công văn số 2380/CSĐT-HS ngày 25/9/2018 đề nghị Công ty Viễn thông Vinaphone Đồng Nai cung cấp họ tên, địa chỉ của người sử dụng số thuê bao 01236136073 nhưng chưa có kết quả.

- Kết quả xác minh tại Công ty Taekwang khu công nghiệp Biên Hòa tại bộ phận IP (bộ phận sơn đế giày) chỉ có 01 công nhân tên Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1977, ngụ tại 71/3B, khu phố 2, phường A, thành phố B. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập bản ảnh người có tên và địa chỉ nêu trên để Nguyễn Phi H, Vũ Thiện Hoàng L nhận dạng, H3 H và L xác định không quen biết với Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1977, ngụ tại 71/3B, khu phố 2, phường A, thành phố B. Nguyễn Thị Bích L1 khai không có quan hệ và quen biết với Nguyễn Phi H, Vũ Thiện Hoàng L và bà Phạm Thị H1.

- Đối với L1, Bách, Tí G, H3 chưa rõ lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với Lê Anh H2, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ chưa đủ cơ sở kết luận Lê Anh H2 đồng phạm với H, L. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 511/CT-VKSBH ngày 22/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phi H, Vũ Thiện Hoàng L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, h khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án sơ thẩm số: 109/2020/HS-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a, h khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phi H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Vũ Thiện Hoàng L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Phi H, Vũ Thiện Hoàng L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị hại bà Phạm Thị H1 kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm và tăng hình phạt cho các bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thương tích cho bị hại 3% thương tật nên bị truy tố theo Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến sức khỏe người bị hại, cần có mức án nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt mức án đối với bị cáo Nguyễn Phi H 01 (một) năm tù, bị cáo Vũ Thiện Hoàng L 10 (mười) tháng tù là phù hợp, không nặng như kháng cáo các bị cáo đã nêu.

Xét kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt cho các bị cáo. Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét theo quy định trên cơ sở các yêu cầu của người bị hại. Bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phi H , Vũ Thiện Hoàn L và bị hại bà Phạm Thị H1 được làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung và xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại:

[2.1] Kháng cáo của các bị cáo:

Qua thẩm vấn các bị cáo khai nhận tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ nhận thấy: Khoảng 11 giờ ngày 02/4/2018 được H rủ rê, bị cáo L đã dùng xe máy biển số 60F1-328.72 (mượn của anh trai bị cáo) chở H đi đánh bà

H1, L điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau vượt lên, chặn đầu xe mô tô do bà H1 điều khiển làm cho bà H1 ngã xuống đường. Sau đó, H rút cây sắt đánh 03 cái trúng bà H1, L dùng tay đánh 2 - 3 cái vào người của bà H1 gây thương tích cho bà H1 với tỉ lệ 03%. Với hành vi nêu trên đủ cơ sở xác định nguyên nhân dẫn đến thương tích của bà Phạm Thị H1 là do lỗi của các bị cáo.

Xét án sơ thẩm xử các bị cáo Nguyễn Phi H và Vũ Thiện Hoàng L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bà H1, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự tại địa phương. Nên đối với các bị cáo phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi do các bị cáo gây ra để giáo dục và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo phạm tội là đồng phạm nhưng mức độ giản đơn, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, phạm tội thuộc trường lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính, có thái độ ăn năn hối cải nên khi lượng hình đã xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xử phạt bị cáo H 01 (một) năm tù, bị cáo L 10 (mười) tháng tù là phù hợp không nặng như kháng cáo mà các bị cáo đã trình bày.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới so với cấp sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Kháng của bị hại:

Bà Phạm Thị H1 kháng cáo yêu cầu làm rõ hành vi của đối tượng tên L1 (chưa rõ lai lịch) và một số đối tượng khác liên quan trong vụ án, không đồng ý với bản kết luận giám định pháp y về tỷ lệ thương tật tại thời điểm giám định là 3% và đề nghị tăng hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên, như đã phân tích trong vụ án này các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập bản ảnh người có tên Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1977, ngụ tại 71/3B, Khu phố 2, phường A, thành phố B để Nguyễn Phi H, Vũ Thiện Hoàng L nhận dạng nhưng H, L xác định không quen biết với Nguyễn Thị Bích L1. Bà L1 khai cũng không quen biết với bị cáo H, L và bà Phạm Thị H1. Đối với B, Tí G, H3 chưa rõ lai lịch, đối với Lê Anh H2, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ chưa đủ để kết luận H2 đồng phạm với H, L. Vì vậy,

cơ quan điều tra tiếp tục, xác minh, điều tra, xử lý sau. Đối với bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0360/GĐPY/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Đồng Nai. Sau khi có kết luận giám định bà H1 không có ý kiến khiếu nại, không đề nghị cơ quan chức năng xem xét lại bản kết luận giám định pháp y nêu trên. Do vậy, đến thời điểm hiện tại kháng cáo của bà H1 là không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, kháng cáo của bà H1 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kháng cáo của các bị cáo không chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bà Phạm Thị H1 không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các Nguyễn Phi H , Vũ Thiện Hoàng L; không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Phạm Thị H1; Giữ nguyên Bản án hình sự số: 109/2020/HS-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Căn cứ điểm a, h khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phi H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù.

- Bị cáo Vũ Thiện Hoàng L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù.

Các bị cáo Nguyễn Phi H , Vũ Thiện Hoàng L đều bị xử phạt về tội: “Cố ý gây thương tích”.

3. Về án phí: Các bị cáo, bị hại phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.Biên Hòa (2);
- VKSND TP.Biên Hòa;
- Công an TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Thanh Hà